

ĐÁP ÁN CUỐI KỲ
Môn: Phân tích Hoạt động SXKD trong DN XD
HK2 NH24-25

ĐỀ 1

PHẦN 1: TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
a		x	x		x			x				x
b	x			x			x		x	x	x	
c						x						
d												

PHẦN 2: TỰ LUẬN

Câu 13:

a. Phương pháp so sánh đánh giá thực hiện giá thành

Sản phẩm	Giá thành			Chênh lệch TH-KH		Chênh lệch TH-KT		Điểm
	KT	KH	TH	Giá trị	%	Giá trị	%	
X	305	300	290	-10	-3.3%	-15	-4.9%	0.25
Y	28	26	28	2	7.7%	0	0.0%	0.25
Z	110	105	108	3	2.9%	-2	-1.8%	0.25

Nhận xét: (0.25 điểm)

Sản phẩm A: tình hình xấu;

Sản phẩm B, tình hình tốt;

Sản phẩm C: tình hình tốt (có cải thiện)

b. Phân tích tình hình thực hiện chi phí trên 1000đ doanh thu:

Lập bảng tính: (0.5 điểm)

Sản phẩm	q_0x_{u0}	q_0x_{p0}	q_1x_{u0}	q_1x_{p0}	q_1x_{u1}	q_1x_{p1}
Tổng	575800	836000	601850	870500	590400	880050

$C_1 = 670.87$ (đồng)

$C_0 = 688.76$ (đồng)

Delta C = -17.89 (đồng) (0.5 điểm)

Các mức ảnh hưởng: (0.5 điểm)

Delta $C_q = 0$

Delta $C_d = 2.63$ (đồng)

Delta $C_u = -13.15$ (đồng)

Delta $C_p = -7.36$ (đồng)

Đánh giá: Giảm chi phí, tình hình chung tốt. Trong đó, nhân tố đơn giá và chi phí đơn vị có vai trò quan trọng. (0.5 điểm)

Câu 14:

- a. Tỷ số thanh toán và tỷ số sinh lời

Tỷ số thanh toán:

- Tỷ số thanh toán hiện hành: $R_c = 1.11$ (0.75 điểm)
- Tỷ số thanh toán nhanh: $R_q = 1.02$ (0.75 điểm)

Tỷ số sinh lời:

- Tỷ suất sinh lời trên doanh thu: $0.0083 = 0.83\%$ (0.75 điểm)
 - Tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản: $0.0025 = 0.25\%$ (0.75 điểm)
- b. Đánh giá, kết luận: Nhìn chung khả năng thanh toán của công ty đều tốt (do lớn hơn 1.0); tuy nhiên khả năng sinh lời thì hơi thấp. (1 điểm)

ĐỀ 2**PHẦN 1: TRẮC NGHIỆM**

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
a					x	x				x	x	x
b	x	x		x			x	x	x			
c			x									
d												

PHẦN 2: TỰ LUẬN**Câu 13:**

- c. Phương pháp so sánh đánh giá thực hiện giá thành

Sản phẩm	Giá thành			Chênh lệch TH-KH		Chênh lệch TH-KT		Điểm
	KT	KH	TH	Giá trị	%	Giá trị	%	
X	305	300	295	-5	-1.7%	-10	-3.3%	0.25
Y	30	28	28	0	0.0%	-2	-6.7%	0.25
Z	110	105	110	5	4.8%	0	0.0%	0.25

Nhận xét: (0.25 điểm)

Sản phẩm A: tình hình xấu;

Sản phẩm B, tình hình xấu;

Sản phẩm C: tình hình tốt (có cải thiện)

- d. Phân tích tình hình thực hiện chi phí trên 1000đ doanh thu:

Lập bảng tính: (0.5 điểm)

Sản phẩm	q_0x_{u0}	q_0x_{p0}	q_1x_{u0}	q_1x_{p0}	q_1x_{u1}	q_1x_{p1}
Tổng	592400	856000	611250	881500	608500	883250

$C_1 = 688.93$ (đồng)

$C_0 = 692.06$ (đồng)

Delta C = -3.12 (đồng) (0.5 điểm)

Các mức ảnh hưởng: (0.5 điểm)

$$\Delta C_q = 0$$

$$\Delta C_d = 1.36 \text{ (đồng)}$$

$$\Delta C_u = -3.08 \text{ (đồng)}$$

$$\Delta C_p = -1.37 \text{ (đồng)}$$

Đánh giá: Giảm chi phí, tình hình chung tốt. Trong đó, nhân tố đơn giá và chi phí đơn vị có vai trò quan trọng. (0.5 điểm)

Câu 14:

a. Tỷ số hoạt động và tỷ số đòn bẩy

Tỷ số thanh toán:

- Vòng quay các khoản phải thu: 0.72 (0.25 điểm)
- Kỳ thu tiền bình quân: 498 ngày (0.25 điểm)
- Vòng quay hàng tồn kho: 6.64 (0.25 điểm)
- Hiệu suất sử dụng toàn bộ vốn: 0.307 (0.25 điểm)
- Hiệu suất sử dụng vốn cổ phần: 6.35 (0.5 điểm)

Tỷ số đòn bẩy:

- Tỷ số nợ: 0.952 (0.25 điểm)
- Tỷ số nợ trên vốn cổ phần: 19.67 (0.25 điểm)
- Tỷ số nợ dài hạn trên vốn cổ phần: 9.38 (0.25 điểm)
- Tỷ số tài sản trên vốn cổ phần: 20.67 (0.25 điểm)
- Khả năng thanh toán lãi vay: 1.45 (0.5 điểm)

b. Đánh giá, kết luận: Nhìn chung khả năng thanh toán của công ty đều tốt (do lớn hơn 1.0); tuy nhiên khả năng sinh lời thì hơi thấp. (1 điểm)